TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thành
Ông Phạm Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc: Xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh T, W-C, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số C L, khóm A, phường P, trấn P, huyện N, Đài Loan. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 21/5/2024 nguyên đơn Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày: qua tìm hiểu và quen biết chị Quỳnh N và anh T, W-Cheng tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2019. Sau khi kết hôn anh T, W-Cheng về Đài Loan sinh sống còn chị Quỳnh N sống tại Việt Nam, thỉnh thoảng anh có về thăm và chủ yếu là liên lạc qua điện thoại, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị Quỳnh N yêu cầu được ly hôn với anh T, W-C.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh T, W-C*: Ngày 11/6/2024 Tòa án có Công văn số 115/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thực hiện tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, W-C. Ngày 13/12/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo Công văn số 3688/BTP-PLQT ngày 25/11/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan đã tống đạt hồ sơ ủy thác cho anh T, W-C vào ngày 01/10/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người sống chung với anh T, W-Cheng nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của anh T, W-C và anh T, W-C cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh N; cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh T, W-C; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết; chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu án phí 300.000 đồng và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh T, W-Cheng là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Quỳnh N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn T, W-C: Ngày 11/6/2024 Tòa án có Công văn số 115/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thực hiện tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, W-C. Ngày 13/12/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo Công văn số 3688/BTP-PLQT ngày 25/11/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan đã tống đạt hồ sơ ủy

thác cho anh T, W-C vào ngày 01/10/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người sống chung với anh T, W-Cheng nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của anh T, W-C và anh T, W-C cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp thì chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh T, W-Cheng đã đăng ký kết hôn ngày 16/4/2019, do đó hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh T, W-C là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác định, sau khi kết hôn, chị ở Việt Nam sinh sống, còn anh T, W-Cheng trở về Đài Loan, thỉnh thoảng anh T, W-Cheng có về Việt Nam, vợ chồng thường xuyên liên lạc điện thoại với nhau, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh T, W-Cheng không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay chị Nguyễn Thị Quỳnh N sống ở Việt Nam còn anh T, W-Cheng sống tại Đài Loan, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Do chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh T, W-Cheng vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N1 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N ly hôn anh T, W-C là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 153; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm đ khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh N.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh T, W-C.

- Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Quỳnh N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015033 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Quỳnh N đã nộp xong.

- Về chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Quỳnh N chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015039 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Quỳnh N đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND thị xã Bình Minh: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thị Tư